

Contents

Giao thức Blockchain	2
Giao thức Blockchain là gì?	2
Tại sao Blockchain cần giao thức?	2
Thành phần chính của giao thức	3
Các giao thức blockchain chính.....	4
Xác thực blockchain?	5
Cách xác thực blockchain hoạt động?	5
Các loại xác thực blockchain	6
Lợi ích của xác thực blockchain.....	7
Thử thách và giới hạn:	8
Tiền mã hóa	9
Tiền mã hóa là gì?	9
Lưu trữ	9
Coin và Token	10
Các giải pháp phổ biến cho việc tạo tiền mã hóa	10
Lợi thế	11
Hạn chế	11
Token	11
Mục đích của Token	11
Tính năng của Token.....	12
Các loại token	12
Cách token hoạt động	13

Giao thức Blockchain

Giao thức Blockchain là gì?

Giao thức blockchain là tập hợp các quy tắc dùng để quản lý mạng lưới blockchain. Các quy tắc này xác định giao diện của mạng, cách các máy tính tương tác, cơ chế khuyến khích, loại dữ liệu được sử dụng, v.v. Các giao thức này được thiết kế nhằm đáp ứng bốn nguyên tắc chính:

1. Bảo mật:

- Giao thức đảm bảo an toàn cho toàn bộ mạng lưới tiền mã hóa.
- Vì mạng blockchain liên quan đến giao dịch tài chính, nên các giao thức xác định cấu trúc dữ liệu và bảo vệ dữ liệu khỏi các tác nhân xấu.

2. Phi tập trung:

- Blockchain là một mạng lưới phi tập trung, không có sự can thiệp của bất kỳ cơ quan trung ương nào.
- Các giao thức đóng vai trò kiểm soát và điều phối toàn bộ mạng lưới.

3. Tính nhất quán:

- Mỗi khi một giao dịch diễn ra, giao thức sẽ cập nhật toàn bộ cơ sở dữ liệu tại từng bước để đảm bảo mọi người dùng đều nhận được thông tin chính xác về tình trạng của mạng.

4. Khả năng mở rộng:

- Khả năng mở rộng là khả năng xử lý số lượng giao dịch ngày càng tăng.
- Trước đây, đây là một vấn đề lớn của blockchain. Tuy nhiên, hiện nay hầu hết các giao thức đã có cơ chế xử lý vấn đề này bằng cách hỗ trợ số lượng giao dịch lớn hơn và mở rộng số lượng node trong mạng.

Tại sao Blockchain cần giao thức?

Tiêu chuẩn hóa:

- Giao thức thiết lập một bộ quy tắc và tiêu chuẩn chung, đảm bảo tất cả các thành viên trong mạng có thể tương tác một cách nhất quán.
- Sự đồng nhất này rất quan trọng để hệ thống phi tập trung hoạt động trơn tru.

Cơ chế đồng thuận:

- Giao thức xác định cách đạt được sự đồng thuận giữa các thành viên trong mạng.
- Điều này đóng vai trò quan trọng trong việc xác thực giao dịch, duy trì tính toàn vẹn của blockchain, ngăn chặn gian lận và đảm bảo sự tin cậy.

Bảo mật:

- Giao thức quy định cách dữ liệu được mã hóa, truyền tải và lưu trữ nhằm tăng cường bảo mật cho mạng lưới.
- Chúng giúp ngăn chặn truy cập trái phép và giả mạo dữ liệu.

Khả năng tương tác:

- Giao thức hỗ trợ giao tiếp giữa các mạng blockchain khác nhau, cho phép trao đổi thông tin và tài sản giữa các nền tảng.

Hiệu suất:

- Các giao thức được thiết kế tốt sẽ tối ưu hóa hiệu suất của mạng, giúp tăng tốc độ giao dịch và giảm chi phí.
- Chúng hỗ trợ quản lý tài nguyên hiệu quả trong hệ thống phi tập trung.

Thành phần chính của giao thức

- Nodes: những máy tính và thiết bị tham gia vào mạng blockchain. Nó có thể xác minh giao dịch, lưu trữ dữ liệu và duy trì blockchain.
- Giao dịch: đơn vị dữ liệu cơ bản biểu diễn chuyển tài sản hoặc thông tin trên mạng blockchain.
- Khối: chứa 1 tập các giao dịch. Mỗi khối được liên kết với khối trước nó (ngoại trừ khối khởi nguyên) tạo thành chuỗi.
- Cơ chế đồng thuận: Proof of Work, Proof of Stake, đạt được sự đồng thuận giữa các nodes trong việc xác thực giao dịch đảm bảo các node trong mạng duy trì cùng 1 phiên bản blockchain.
- Mật mã học: đảm bảo dữ liệu và giao dịch được bảo mật trên mạng blockchain, cung cấp tính nhất quán, bảo mật và xác thực. Public và private key quan trọng trong xác thực giao dịch và danh tính người dùng.
- Hợp đồng thông minh: Các hợp đồng tự thực thi với điều khoản được viết trực tiếp vào mã code. Chúng tự động hóa và thực thi thỏa thuận mà không cần trung gian, cho phép các giao dịch và ứng dụng phức tạp.

- Mạng lưới (Network): Cơ sở hạ tầng kết nối tất cả các nút và tạo điều kiện giao tiếp. Nó cho phép truyền dữ liệu và điều phối giữa các nút, đảm bảo blockchain hoạt động hiệu quả.
- Sổ cái: Cơ sở dữ liệu phân tán ghi lại toàn bộ lịch sử giao dịch, đảm bảo tính minh bạch và không thể thay đổi.
- Giao thức truyền dữ liệu (Communication Protocols) – Quy định cách các node giao tiếp với nhau trong mạng ngang hàng (P2P), bao gồm việc truyền và xác minh giao dịch.
- Quản lý trạng thái (State Management) – Xác định cách trạng thái của blockchain được cập nhật khi giao dịch mới được xác nhận. Đặc biệt quan trọng trong blockchain có smart contract như Ethereum.
- Cơ chế khuyến khích (Incentive Mechanism) – Quy tắc thưởng/phạt cho các node tham gia, khuyến khích hành vi trung thực (ví dụ: phần thưởng block trong Bitcoin).
- Quy tắc quản lý chuỗi (Chain Governance Rules) – Xác định cách blockchain có thể nâng cấp hoặc thay đổi (ví dụ: Hard Fork, Soft Fork).

Các giao thức blockchain chính

Giao thức Bitcoin: Tiền điện tử đầu tiên, cho phép giao dịch ngang hàng mà không cần trung gian bằng cách sử dụng sổ cái phi tập trung. Nó áp dụng cơ chế đồng thuận Proof of Work (PoW) và chủ yếu được sử dụng như một loại tiền kỹ thuật số.

Ethereum: Nền tảng phi tập trung hỗ trợ hợp đồng thông minh và ứng dụng phi tập trung (dApps). Ethereum đang chuyển đổi từ Proof of Work (PoW) sang Proof of Stake (PoS) với Ethereum 2.0 để cải thiện khả năng mở rộng.

Hyperledger Fabric: Một khuôn khổ blockchain có quyền (permissioned blockchain) được thiết kế cho các giải pháp doanh nghiệp, cho phép kiến trúc mô-đun và cơ chế đồng thuận có thể cấu hình. Nó được sử dụng trong các lĩnh vực như chuỗi cung ứng và chăm sóc sức khỏe để chia sẻ dữ liệu an toàn.

Ripple (XRP): Giao thức thanh toán kỹ thuật số hướng đến việc hỗ trợ các giao dịch xuyên biên giới nhanh chóng và tiết kiệm chi phí. Thuật toán đồng thuận độc đáo của nó cho phép xác nhận và xử lý giao dịch nhanh chóng.

Cardano: Một nền tảng blockchain Proof of Stake tập trung vào tính bền vững và khả năng mở rộng, với sự nhấn mạnh mạnh mẽ vào nghiên cứu học thuật. Nó hỗ trợ hợp đồng thông minh và ứng dụng phi tập trung đồng thời ưu tiên bảo mật.

Polkadot: Mạng lưới đa chuỗi cho phép các blockchain khác nhau tương tác và chia sẻ thông tin. Nó sử dụng cơ chế Nominated Proof of Stake (NPoS) để đảm bảo khả năng mở rộng và linh hoạt giữa các chuỗi kết nối.

Chainlink: Mạng lưới oracle phi tập trung kết nối hợp đồng thông minh với dữ liệu thực tế, giúp chúng có thể tương tác với thông tin bên ngoài. Nó nâng cao chức năng của các ứng dụng blockchain bằng cách cung cấp các nguồn dữ liệu đáng tin cậy.

Tezos: Blockchain có khả năng tự nâng cấp thông qua cơ chế quản trị trên chuỗi (on-chain governance), cho phép các bên liên quan bỏ phiếu thay đổi giao thức. Nó sử dụng cơ chế Liquid Proof of Stake (LPoS) để bảo mật mạng lưới.

Avalanche: Nền tảng có thông lượng cao dành cho việc triển khai ứng dụng phi tập trung và các giải pháp blockchain doanh nghiệp. Cơ chế đồng thuận sáng tạo của nó cho phép xác nhận giao dịch gần như tức thì và khả năng mở rộng cao

// lighting network, oracle

// off chain

Xác thực blockchain?

Xác thực blockchain đề cập đến việc xác minh danh tính người dùng, thiết bị hoặc giao dịch sử dụng công nghệ blockchain. Phương thức này nâng cao bảo mật và tin tưởng bằng cách tận dụng tính phi tập trung và bất biến của mạng blockchain.

- Phi tập trung
- Tính bất biến
- Bảo mật mật mã
- Kiểm soát của người dùng: quản lý danh tính và thông tin xác thực của mình không cần bên thứ 3
- Tăng cường niềm tin

Cách xác thực blockchain hoạt động?

1. Đăng ký người dùng: Người dùng tạo một cặp khóa công khai - khóa riêng để thiết lập danh tính kỹ thuật số. Thông tin xác thực của họ được một cơ quan đáng tin cậy cấp và liên kết với khóa công khai, sau đó được ghi lại trên blockchain.
2. Yêu cầu xác thực: Khi truy cập dịch vụ, người dùng gửi một yêu cầu chứa khóa công khai và chữ ký số được tạo bằng khóa riêng của họ.
3. Quá trình xác minh: Dịch vụ xác minh chữ ký số bằng khóa công khai của người dùng. Đồng thời, kiểm tra blockchain để xác thực thông tin của người dùng và đảm bảo dữ liệu không bị thay đổi.

4. Quyết định truy cập: Nếu cả hai bước xác minh đều thành công, quyền truy cập được cấp; nếu không, yêu cầu sẽ bị từ chối.
5. Ghi nhận giao dịch: Mỗi lần xác thực đều được ghi lại trên blockchain, tạo ra một nhật ký minh bạch và bất biến.

Các loại xác thực blockchain

Hạ tầng khóa công khai (PKI - Public Key Infrastructure):

- Sử dụng một cặp khóa mật mã (khóa công khai và khóa riêng) để xác minh danh tính.
- Khóa công khai có thể được chia sẻ, trong khi khóa riêng được giữ bí mật.
- Đây là phương pháp nền tảng cho giao tiếp và giao dịch an toàn trên blockchain.

MetaMask, Trust Wallet, Ledger, Trezor

Danh tính phi tập trung (DID - Decentralized Identity):

- Cho phép người dùng tự tạo và quản lý danh tính kỹ thuật số của họ mà không cần một cơ quan trung ương.
- Người dùng có thể kiểm soát dữ liệu cá nhân của mình và chia sẻ có chọn lọc, giúp tăng cường quyền riêng tư và bảo mật.

Microsoft ION, Spruce, SelfKey

Xác thực đa chữ ký (Multi-Signature Authentication):

- Yêu cầu nhiều khóa riêng để ủy quyền một giao dịch.
- Tăng cường bảo mật bằng cách đảm bảo rằng nhiều bên phải phê duyệt hành động.
- Hữu ích cho tài khoản chung và kiểm soát trong tổ chức.

Electrum, BitGo, Casa, Armory

Xác thực sinh trắc học (Biometric Authentication):

- Kết hợp dữ liệu sinh trắc học (như vân tay, nhận diện khuôn mặt) với công nghệ blockchain để xác minh danh tính.
- Thêm một lớp bảo mật bằng cách liên kết quyền truy cập với đặc điểm sinh học duy nhất của mỗi người.

ZenGo, Coinbase Wallet, Trust Wallet

Xác thực dựa trên hợp đồng thông minh (Smart Contract-Based Authentication):

- Sử dụng hợp đồng thông minh để tự động hóa và thực thi quá trình xác thực.
- Khi điều kiện được thiết lập trước được đáp ứng, hợp đồng thông minh có thể thực hiện giao dịch hoặc cấp quyền truy cập mà không cần sự can thiệp của con người.

Argent, Gnosis Safe, Loopring Wallet

Xác thực dựa trên token (Token-Based Authentication):

- Sử dụng token để đại diện cho danh tính hoặc quyền truy cập của người dùng.
- Các token này có thể dễ dàng được chuyển đổi và xác minh trên blockchain.

MetaMask, Phantom, Rainbow Wallet

Xác thực liên chuỗi (Federated Authentication):

- Cho phép người dùng sử dụng một danh tính duy nhất trên nhiều mạng blockchain khác nhau.
- Dựa trên mối quan hệ tin cậy giữa các thực thể khác nhau để đơn giản hóa quá trình xác thực.

Các ví có sử dụng: Magic, Torus

Bằng chứng không tiết lộ (Zero-Knowledge Proofs - ZKP):

- Cho phép một bên chứng minh với bên khác rằng họ biết một giá trị (như mật khẩu) mà không cần tiết lộ giá trị thực tế.
- Cải thiện quyền riêng tư trong khi vẫn đảm bảo xác minh danh tính chính xác.

Các ví có sử dụng ZKP: **ZKSync Wallet, Aztec Protocol, and Polygon ID**

Lợi ích của xác thực blockchain

- Nâng cao bảo mật: tính phi tập trung + mật mã học
- Tính bất biến
- Phi tập trung
- Kiểm soát từ người dùng
- Minh bạch

- Quy trình tinh gọn: Xác thực blockchain có thể đơn giản hóa và đẩy nhanh quá trình xác minh danh tính, giúp giảm bớt nhu cầu về thủ tục giấy tờ phức tạp và kiểm tra thủ công.

Thử thách và giới hạn:

Vấn đề mở rộng (Scalability Issues):

- Nhiều mạng blockchain gặp khó khăn trong việc xử lý số lượng lớn giao dịch đồng thời.
- Điều này có thể làm chậm quá trình xác thực và tăng chi phí sử dụng.

Trải nghiệm người dùng và độ phức tạp (User Experience and Complexity):

- Công nghệ blockchain có thể gây khó hiểu cho người dùng không có kiến thức kỹ thuật.
- Việc quản lý khóa riêng và hiểu về danh tính phi tập trung có thể cản trở sự phổ biến.

Sự không chắc chắn về quy định (Regulatory Uncertainty):

- Các quy định về blockchain đang liên tục thay đổi và chưa đồng bộ giữa các quốc gia.
- Điều này có thể tạo ra rào cản pháp lý cho doanh nghiệp muốn áp dụng xác thực blockchain.

Lo ngại về quyền riêng tư (Data Privacy Concerns):

- Blockchain mang lại tính minh bạch, nhưng dữ liệu được ghi trên sổ cái công khai không thể sửa đổi hoặc xóa.
- Điều này có thể gây lo ngại nếu dữ liệu cá nhân nhạy cảm bị lưu trữ trên blockchain.

Lỗ hổng bảo mật (Security Vulnerabilities):

- Bản thân blockchain rất an toàn, nhưng các ứng dụng và hợp đồng thông minh xây dựng trên đó có thể tồn tại lỗ hổng.
- Những lỗ hổng này có thể bị hacker khai thác, gây rủi ro cho người dùng.

Phụ thuộc vào công nghệ (Dependence on Technology):

- Xác thực blockchain yêu cầu cơ sở hạ tầng công nghệ mạnh mẽ.
- Các sự cố như mất kết nối mạng, lỗi phần mềm hoặc thất bại công nghệ có thể ảnh hưởng đến quá trình xác thực.

Xu hướng tương lai:

- Tích hợp với AI: kết hợp AI với blockchain nâng cao quá trình xác minh danh tính, xác định được giả mạo tinh vi, đưa ra quyết định dựa trên hành vi người dùng
- Giải pháp danh tính phi tập trung:
- Tăng khả năng tương tác: Các tiến bộ trong tương lai sẽ tập trung vào việc tạo ra chuẩn chung giúp các mạng blockchain khác nhau có thể giao tiếp với nhau, giúp quá trình xác thực diễn ra mượt mà trên nhiều nền tảng và cải thiện trải nghiệm người dùng
- Nâng cao sự riêng tư: Những đổi mới như bằng chứng không tiết lộ (Zero-Knowledge Proofs - ZKP) sẽ cho phép người dùng xác minh danh tính mà không cần tiết lộ thông tin cá nhân, cân bằng giữa tính minh bạch và quyền riêng tư.
- Tuân thủ quy định: Khi các quy định ngày càng hoàn thiện, các giải pháp xác thực blockchain sẽ dần tích hợp thêm tính năng đảm bảo tuân thủ các luật về bảo vệ dữ liệu và xác minh danh tính.

Tiền mã hóa

Tiền mã hóa là gì?

Tiền điện tử là một thuật ngữ dùng để mô tả nhiều loại token kỹ thuật số có thể thay thế lẫn nhau và được bảo mật bằng công nghệ blockchain. Mọi thứ bắt đầu với Bitcoin.

Bitcoin có thể được sử dụng để chuyển giá trị giữa hai bên mà không cần tin tưởng vào bất kỳ bên trung gian nào. Chỉ cần tin tưởng vào mã nguồn của Bitcoin, vốn là mã nguồn mở và có sẵn miễn phí.

Ví dụ: Bitcoin(BTC), Ethereum(Ether),

Lưu trữ

Sau khi mua tiền mã hóa, nó cần được lưu trữ an toàn để bảo vệ khỏi tin tặc. Nơi lưu trữ tiền mã hóa thông thường là **ví tiền mã hóa** (crypto wallets), có thể là thiết bị phần cứng hoặc phần mềm trực tuyến.

Không phải tất cả các sàn giao dịch hoặc nhà môi giới đều cung cấp dịch vụ ví tiền mã hóa.

Coin và Token

Tiền điện tử được chia thành hai nhóm chính – **coin** và **token**.

- **Coin** là một loại tiền điện tử hoạt động trên blockchain riêng của nó, nơi tất cả các giao dịch được thực hiện. Ví dụ như Bitcoin (BTC) chạy trên blockchain Bitcoin, hay Ethereum (ETH) chạy trên blockchain Ethereum.
- Token, ngược lại, hoạt động trên các blockchain hiện có như Ethereum, BNB Chain,... và có thể đại diện cho tài sản, quyền truy cập dịch vụ, hoặc quyền bỏ phiếu trong các dự án blockchain. Token có thể là **Utility Token**, **Security Token**, **Governance Token**, **NFT**,... chứ không chỉ liên quan đến hợp đồng thông minh.

Các giải pháp phổ biến cho việc tạo tiền mã hóa

Ethereum

- Ethereum là blockchain đầu tiên cung cấp dịch vụ tạo token.
- Nhờ vào sự lâu đời và vị thế mạnh trong thị trường tiền điện tử, Ethereum mang lại mức độ tin cậy cao.
- Phần lớn các token trên Ethereum tuân theo chuẩn ERC-20, nhưng cũng có các chuẩn khác như ERC-721 (dùng cho NFT) và ERC-1155 (multi-token).
- Token trên Ethereum chỉ có thể được viết bằng Solidity (ngôn ngữ lập trình riêng của Ethereum).

EOS

- Token EOS sử dụng tiêu chuẩn EOSIO.
- Có thể tạo token bằng C++ hoặc các ngôn ngữ khác như Python, Java, v.v., miễn là có thể biên dịch sang WebAssembly.
- EOS không tính phí giao dịch truyền thống, nhưng người dùng cần stake tài nguyên (CPU, NET, RAM) để thực hiện giao dịch., blockchain EOS có khả năng mở rộng cao, hỗ trợ số lượng giao dịch mỗi giây lớn và tiết kiệm chi phí.

NEO

- NEO là một nền tảng blockchain mã nguồn mở do cộng đồng phát triển.
- Mục tiêu của NEO là trở thành một mạng lưới mở cho nền kinh tế thông minh.
- Token trên NEO sử dụng tiêu chuẩn NEP-5.

- Không giống như Ethereum, NEO cho phép tạo token bằng hầu hết các ngôn ngữ lập trình cấp cao như Java, Python, v.v.
- Có thể sử dụng HTTP API để tương tác với blockchain.

Lợi thế

- Bảo mật và sự riêng tư
- Phi tập trung, bất biến và minh bạch
- Chống lạm phát
- Giao dịch nhanh hơn
- Dễ dàng giao dịch: qua ví

Hạn chế

- An ninh mạng
- Nhận thức hạn chế
- Biến động giá
- Khả năng mở rộng: Khả năng mở rộng là một trong những mối lo ngại lớn đối với tiền mã hóa. Việc chấp nhận tiền mã hóa và token kỹ thuật số đang tăng nhanh, nhưng do bản chất chậm chạp của blockchain, tiền mã hóa dễ gặp phải tình trạng chậm trễ trong giao dịch. Tiền mã hóa không thể cạnh tranh với số lượng giao dịch mà các ông lớn trong ngành thanh toán như VISA và Mastercard xử lý mỗi ngày.

Token

Một Token là 1 đơn vị kỹ thuật số có giá trị và không có blockchain riêng của nó.

Giống như tiền mã hóa token cũng được lưu trong ví (crypto wallet)

Mục đích của Token

Cryptographic tokens tồn tại trên blockchain khác, có thể giao dịch hoặc mua sắm. Tạo token hiệu suất cao trên Ethereum giúp bảo mật tốt hơn và tiết kiệm chi phí.

Tính năng của Token

- Tokens hoạt động trên cơ sở hạ tầng của blockchain đã tồn tại, do đó nó được bảo mật
- Thực hiện thanh toán/ giao dịch dễ dàng và bảo mật hơn
- Được sử dụng rộng rãi trong nhiều giao dịch chẳng hạn như giao dịch và đầu tư
- Đại diện cho tài sản
- Token hóa ít chi phí và thời gian hơn

Các loại token

- Token tiện ích: là token mà người dùng được cấp quyền truy cập vào 1 dịch vụ đặc biệt nào đó.
Ví dụ: 1 tổ chức tạo token tiện ích cho khách hàng cho việc giảm giá và tham gia vào dịch vụ đặc biệt.
- Token thanh toán: phục vụ như 1 phương tiện thanh toán tiền tệ
Ví dụ: USDT hoạt động trên Ethereum, Tron, BNB chain
Bitcoin (BTC) vừa là payment token vừa là coin
- Token bảo mật: tài sản kỹ thuật số đại diện cho quyền sở hữu tài sản hoặc công ty...
- Defi là viết tắt của Tài chính Phi tập trung (Decentralized Finance). Defi token là một token mật mã sử dụng một giao thức được thiết kế để tạo ra một hệ thống tài chính mới với các chức năng tương tự hệ thống tài chính truyền thống như cho vay, tiết kiệm, giao dịch,... bằng cách sử dụng công nghệ blockchain và hợp đồng thông minh (smart contracts).
Ví dụ: thay vì vay tiền từ một người cho vay, có thể vay tiền dưới dạng Defi token từ nền tảng Defi. Các nền tảng Defi có đồng tiền chính thức của riêng mình dưới dạng token và phụ thuộc vào nhà đầu tư cung cấp quỹ tiền mã hóa của họ để cho vay.

Như đã đề cập ở trên, các nền tảng Defi có đồng tiền chính thức dưới dạng token và phụ thuộc vào nhà đầu tư cung cấp quỹ tiền mã hóa của họ để cho vay. Đổi lại, các nhà đầu tư nhận được phần thưởng tiền mã hóa (crypto rewards), thường được trả dưới dạng token tiền mã hóa.
- Governance token là một token mật mã và là một loại Defi token đặc biệt, cung cấp cho người sở hữu quyền biểu quyết về tương lai của dự án. Chủ sở hữu governance token có thể đề xuất và bỏ phiếu về các thay đổi quan trọng ảnh hưởng đến tương lai của tiền mã hóa hoặc nền tảng Defi đó.
- Non-Fungible Tokens (NFTs) là các token mật mã sử dụng công nghệ blockchain. NFTs không phải là tiền điện tử vì chúng không thể dùng để trao đổi hoặc giao dịch như tiền tệ, mà đại diện cho quyền sở hữu tài sản kỹ thuật số độc nhất.
NFTs được xác định duy nhất, do đó chúng khác biệt so với các loại tiền mã hóa có thể

thay thế như Bitcoin. Non-Fungible Tokens (NFTs) thường được liên kết với các tài sản kỹ thuật số như hình ảnh, video, tác phẩm nghệ thuật, âm thanh,...

Cách token hoạt động

1. Phát triển token: Các nhà phát triển tạo token với sự hỗ trợ của công nghệ blockchain
2. Niêm yết token
3. Mua bán
4. Lưu trữ trong ví kỹ thuật số: sau khi mua token sẽ được lưu trong ví

